

BẢN TIN

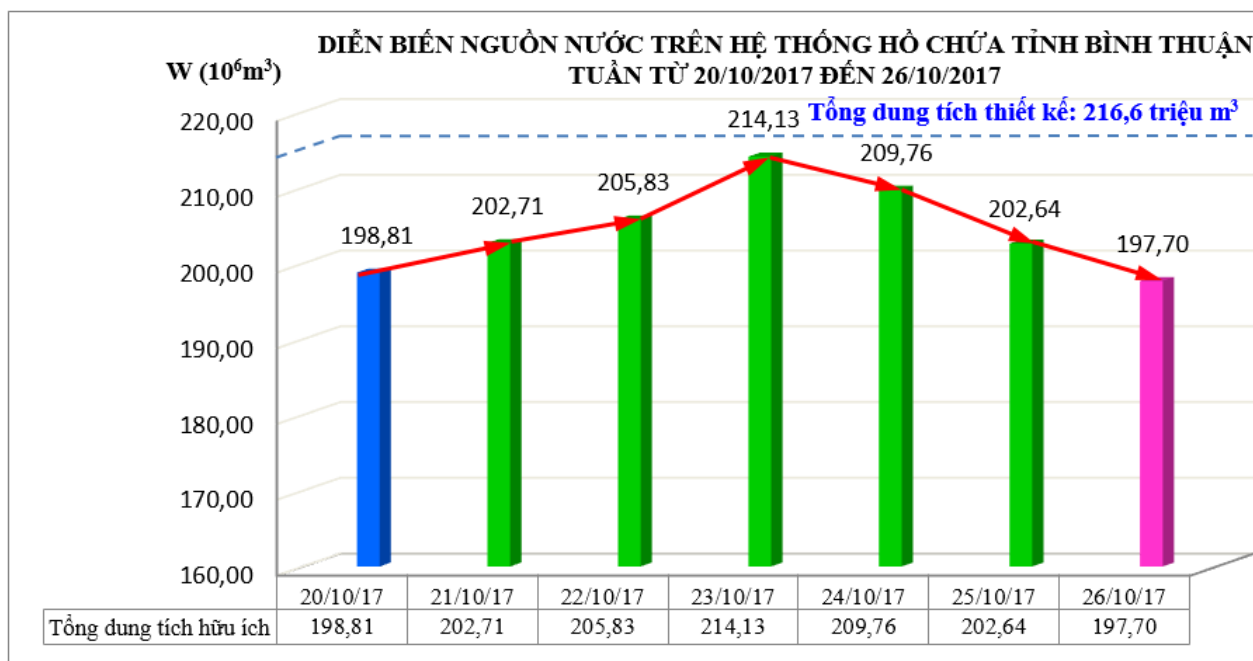
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 27/10/2017 đến 02/11/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 20/10/2017 – 26/10/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 20/10/2017 đến 26/10/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ/ đập trên địa bàn tỉnh tuần qua có chiều hướng giảm. Đến giữa tuần qua, do có mưa vừa và mưa to ở một vài nơi trong tỉnh cộng với lượng nước ngoại tỉnh bổ sung khiến tổng dung tích các hồ tăng. Tuy nhiên vào cuối tuần, lượng nước về giảm khiến tổng dung tích giảm mạnh. Tổng lượng giảm của tuần qua là 1,11 triệu m³, trong đó mức giảm bình quân là 0,19 triệu m³/ngày thay vì mức tăng 0,14 triệu m³/ngày như của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 20/10 - 26/10/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 26/10/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 26/10/2017 tổng dung tích hữu ích của 16 hồ/ đập lớn trên địa bàn

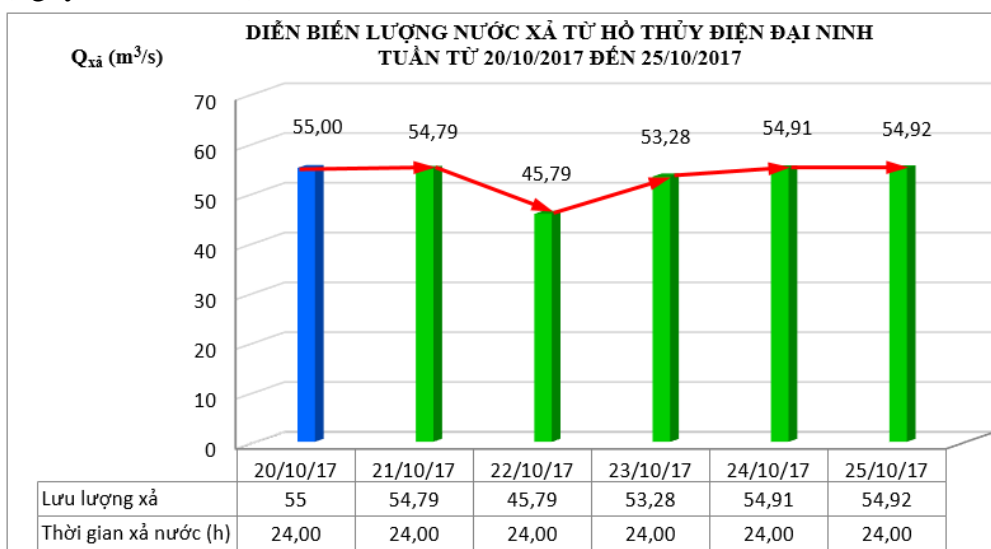
tỉnh Bình Thuận là 197,7 triệu m³, đạt 91,29% so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích các hồ về tổng thể chung thì giảm, tuy nhiên có một số hồ/ đập dung tích tăng mạnh so với đầu tuần như hồ Lòng Sông, hồ Đu Đủ và hồ Núi Đất. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là đập Ba Bàu với tỉ lệ là 22,10% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Đu Đủ với 122,13% dung tích thiết kế. Hiện tại có 4 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Quao, hồ Sông Móng tính đến thời điểm hiện nay có khá nhiều nước (Dung tích hiện tại đều đạt hơn 90% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 26/10/2017

ST T	Tên các Hồ chứa/ đập dâng	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,901	4,87	9,718	0,392	4,478	4,509	100,69%
2	Lòng Sông	33,819	37,16	40,271	3,464	33,696	30,355	90,08%
3	Cà Giây	39,857	36,921	63,209	8,409	28,512	31,448	110,30%
4	Sông Khán	1,621	2,014	2,52	0,261	1,753	1,360	77,58%
5	Sông Quao	66,792	73	80	5,7	67,3	61,092	90,78%
6	Suối Đá	6,265	9,131	12,786	1,273	7,858	4,992	63,53%
7	Cắm Hàng	0,889	1,18	1,215	0,013	1,167	0,876	75,06%
8	Sông Móng	37,156	37,156	51,515	2,985	34,171	34,171	100,00%
9	Ba Bàu	2,284	6,938	11,403	0,964	5,974	1,320	22,10%
10	Đu Đủ	4,409	3,664	5,217	0,297	3,367	4,112	122,13%
11	Tân Lập	1,124	1,07	1,52	0,07	1	1,054	105,40%
12	Tà Mon	0,655	0,657	0,72	0,05	0,607	0,605	99,67%
13	Núi Đất	9,145	8,466	9,648	0,566	7,9	8,579	108,59%
14	Trà Tân	4,245	3,888	8,333	0,403	3,485	3,842	110,24%
15	Sông Phan	2,242	3,022	3,579	0,172	2,85	2,070	72,63%
16	Phan Dũng	8,544	13,674	18,925	1,233	12,441	7,311	58,77%
Tổng Cộng		223,948	242,81	320,58	26,25	216,559	197,696	91,29%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 26/10/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 238,39 triệu m³/251,7 triệu m³, đạt 94,70% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 9,3 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 20/10/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 20/10/2017 đến 25/10/2017

Tính đến ngày 26/10/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 483,23 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 92,48% so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 37,82 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 20/10/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 26/10/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	306,428	319,770	549,820	68,040	251,730	238,388	94,70%
2	<u>Hàm Thuận</u>	655,961	695,230	976,650	172,730	522,500	483,231	92,48%
Tổng Cộng		962,389	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	721,619	93,20%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 10/2017	Dự báo KTTV tuần 3 - tháng 10/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết trong đầu tháng: đêm và chiều tối có mưa rào và dông vài nơi, riêng 1-2 ngày đầu tháng có mưa rào và dông rải rác; thời kỳ giữa và cuối cuối tháng có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi - một số nơi đạt lượng mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to. Dự báo lượng mưa tháng 10/2017 đạt mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết tuần tới: mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào và dông vài nơi; riêng thời kỳ cuối tuần có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa đến mưa to. Dự báo lượng mưa tuần tới phổ biến đạt mức xấp xỉ TBNN; cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh 30-50mm với 2-4 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam</p>

Bắc tỉnh 100 - 150mm; với 12 - 15 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh 200 - 250mm, có nơi 250 - 350mm; với 17 - 20 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 350 - 450mm; với 24 - 26 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 190 – 210 giờ, tổng lượng bốc hơi: 90 - 110mm.

b. Thủy văn:

- Mức nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 118,00m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,30m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,50m.

tỉnh 30-50mm, có nơi 50-80mm với 4-6 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 50-80mm với 4-6 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 60 – 70 giờ, tổng lượng bốc hơi: 30 - 40mm.

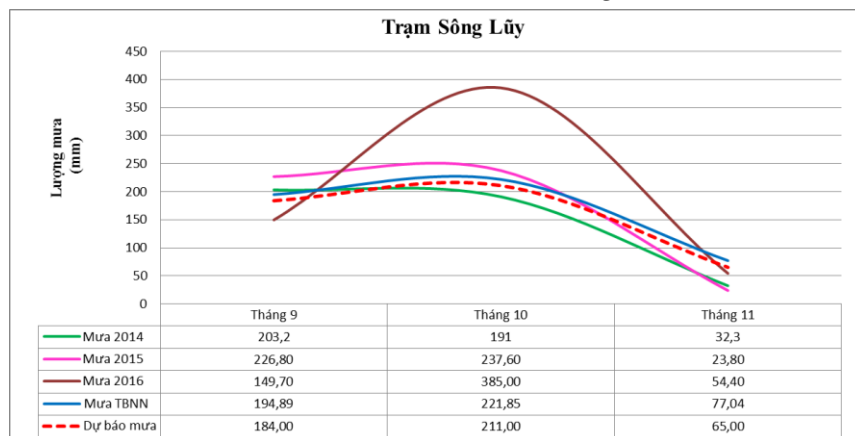
b. Thủy văn:

- Mức nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN

+Tà Pao: Htb=117,0m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

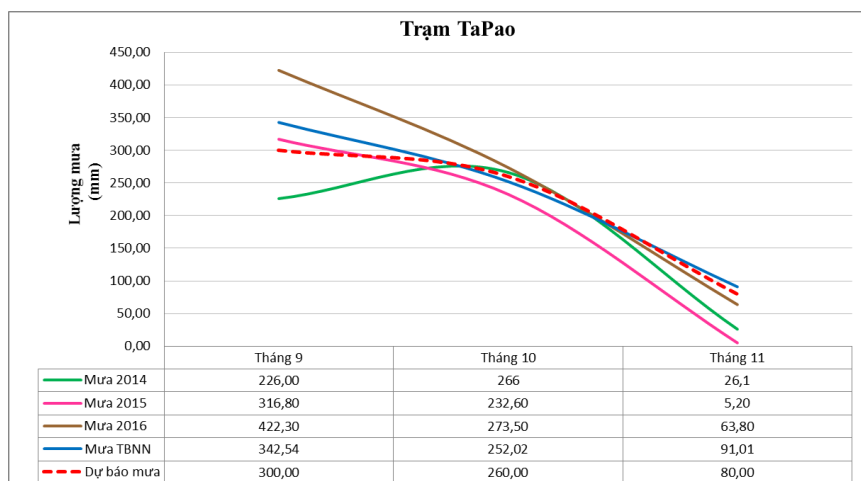
+ Sông Lũy: Htb = 25,20m; Hmax = 27,00m; Hmin = 24,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Mùa tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Mùa năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Mùa (tháng 10 đến tháng 11) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Mùa năm 2017 ($10^6 m^3$)		
		Tháng 10 ($10^6 m^3$)	Tháng 11 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	3,348	0,804	4,152
2	Hồ Phan Dũng	7,901	3,758	11,660
3	Hồ Lòng Sông	13,312	8,580	21,891
4	Đập Sông Lũy	68,862	20,295	89,157
5	Hồ Cà Giấy	17,061	13,297	30,358
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	70,844	15,993	86,836
7	Hồ Sông Quao	32,087	13,504	45,592
8	Hồ Suối Đá	7,446	4,199	11,645
9	Hồ Sông Khán	0,509	0,207	0,716
10	Hồ Cà Giang	1,527	0,441	1,967
11	Hồ Cẩm Hàng	1,875	0,570	2,445
12	Hồ Sông Mông	7,982	2,359	10,340
13	Đập Ba Bàu	8,758	3,655	12,413
14	Hồ Du Đù	1,821	0,544	2,366
15	Đập Sông Phan	20,275	14,774	35,050
16	Hồ Tân Lập	1,420	0,752	2,171
17	Hồ Tà Mon	4,500	1,840	6,340
18	Hồ Núi Đất	2,732	0,726	3,458
19	Hồ Sông Dinh	52,229	64,204	116,433
20	Đập Cô Kiều	2,062	0,933	2,995
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	96,985	46,708	143,693
22	Hồ Trà Tân	6,080	2,255	8,335
Tổng cộng				650,013

Dự kiến lượng nước xả vụ Mùa của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy điện		Tháng 10	Tháng 11	Tổng ($10^6 m^3$)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	3	14	44,32
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	10	21	81,22
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	9	12	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Mùa được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Mùa đến tháng 11/2017 là 250,68 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Mùa năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Mùa 2017						
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước vụ Mùa (10 ⁶ m ³)		
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè...)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 10	Tháng 11	Tổng
Tổng cộng		31.486,63	11.500,00	14.736,00	497,00	140,11	110,57	250,68
1	Hồ Đá Bạc	271,38	66,55	54	-	0,78	0,59	1,37
2	Hồ Phan Dũng	123,99	133,11	108	-	0,64	0,50	1,14
3	Hồ Lòng Sông	3.061,74	240,34	195	79,00	3,32	1,50	4,82
4	Đập Sông Lũy	6.321,93	1.445,65	294	-	26,14	21,52	47,65
5	Hồ Cà Giây	1.397,43	1.947,20	396	-	9,44	6,95	16,40
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,84	1.357	276	-	7,93	6,13	14,06
7	Hồ Sông Quao	6.368,51	1.458,97	6.622,06	-	40,67	38,14	78,81
8	Hồ Suối Đá	234,98	103,54	469,95	-	1,48	1,40	2,88
9	Hồ Sông Khán	73,99	7,49	34	-	0,32	0,28	0,60
10	Hồ Sông Móng	-	5,32	177,27	-	0,24	0,10	0,35
11	Đập Ba Bàu	725,16	108,81	3.625,10	-	6,28	2,85	9,13
12	Hồ Đu Đu	96,84	29,52	983,63	-	1,33	0,48	1,81
13	Đập Sông Phan	1	18,08	602,33	-	0,73	0,24	0,97
14	Hồ Tân Lập	-	14,16	471,82	-	0,46	0,09	0,55
15	Hồ Tà Mon	-	4,11	136,84	-	0,13	0,03	0,16
16	Hồ Núi Đất	430	350	226	-	2,29	1,85	4,14
17	Hồ Sông Dinh	417	2.720	64	-	4,36	5,71	10,07
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,19	0,15	0,34
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	10.821,00	690	-	418,00	32,03	21,03	53,06
20	Hồ Trà Tân	83,83	800	-	-	1,35	1,04	2,39

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 27/10/2017 đến 02/11/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 02/11/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm, tổng dung tích hữu ích có khoảng 196,40 triệu m³ (chiếm 90,69% so với dung tích thiết kế), giảm 1,29 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 26/10/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 02/11/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại 26/10/2017			Dự kiến nguồn nước đến 02/11/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 26/10/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 02/11/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	31,04	4,509	100,69%	30,93	▼ 4,359	97,34%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	75,50	30,355	90,08%	75,54	▲ 30,445	90,35%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	75,19	31,448	110,30%	75,09	▼ 30,673	107,58%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	106,11	1,360	77,58%	106,28	▲ 1,440	82,13%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	88,03	61,092	90,78%	87,97	▼ 60,726	90,23%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	46,05	4,992	63,53%	46,07	▲ 5,052	64,29%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,45	0,876	75,06%	24,42	▼ 0,860	73,66%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	75,80	34,171	100,00%	75,79	▼ 34,119	99,85%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	39,92	1,320	22,10%	39,89	▼ 1,287	21,54%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	61,62	4,112	122,13%	61,63	▲ 4,125	122,52%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,12	1,054	105,40%	44,07	▼ 1,032	103,15%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	46,49	0,605	99,67%	46,50	▲ 0,607	100,00%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	23,82	8,579	108,59%	23,96	▲ 8,876	112,36%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,12	3,842	110,24%	95,07	▼ 3,693	105,97%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,18	2,070	72,63%	67,99	▼ 1,999	70,14%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,83	7,311	58,77%	203,71	▼ 7,110	57,15%
	Tổng		216,559		197,696	91,29%		196,40	90,69%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Mùa 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Mùa đã tính ở trên, dự báo đến 26/10/2017 sẽ có:

Tổng số 19/19 (100%) hồ/đập thủy lợi đều có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Mùa (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất, hồ Đu Đủ.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Mùa 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Mùa tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu			
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)			Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Tháng 10	Tháng 11	Tổng	
1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	100%
2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	100%

3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0	0	0	100%
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	100%
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	100%
12	Hồ Đu Đu	0	0	0	100%
13	Đập Sông Phan	0	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0	0	0	100%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	100%
Tổng				0	

Kết luận - Kiến nghị:

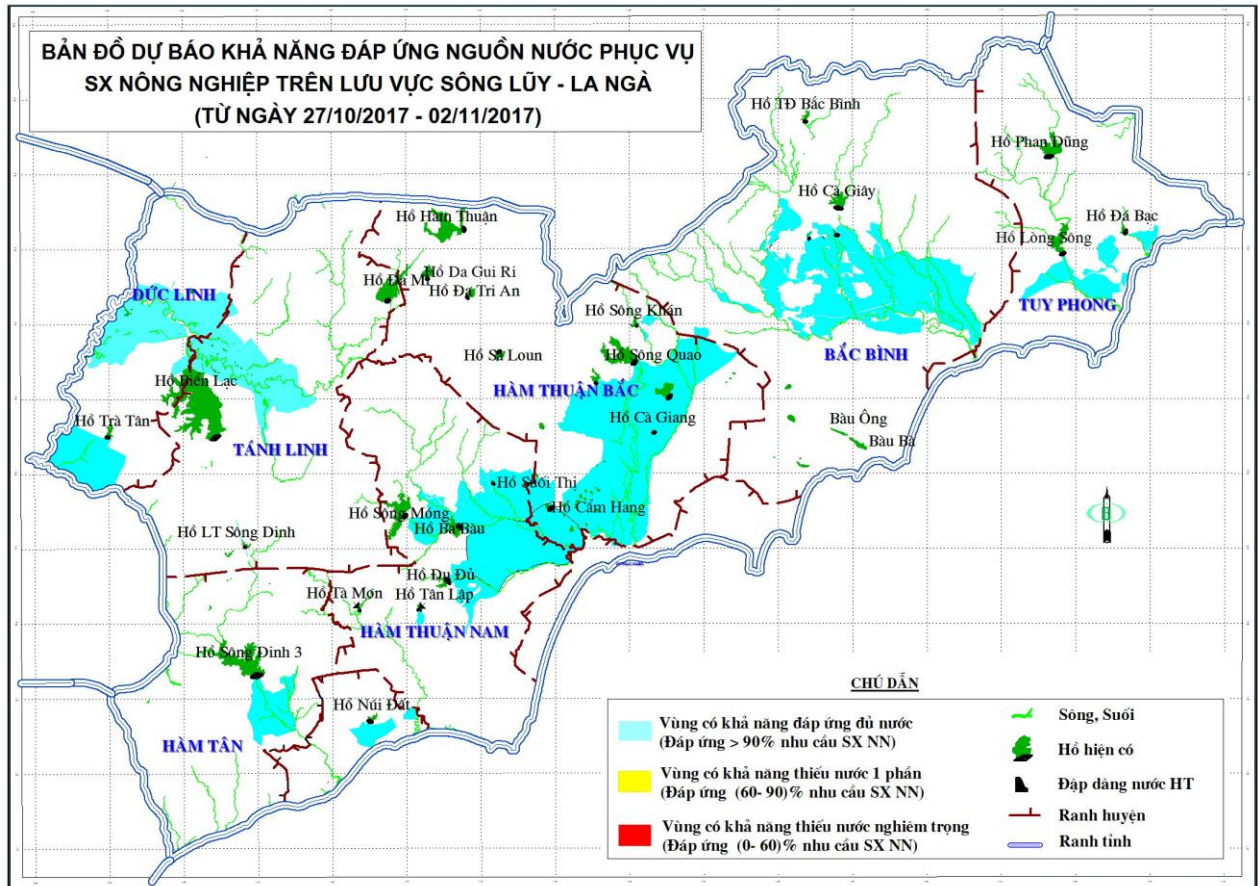
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa lũ và nguồn nước về các hồ để có kế hoạch vận hành công trình hợp lý, chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Mùa; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 02/11/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh còn khoảng 196,40 triệu m³ (chiếm 90,69% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 27/10/2017 đến ngày 02/11/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cần phòng tránh úng ngập cục bộ trong một số vùng nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 02/11/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 30,44 triệu m³, hồ Phan Dũng có 7,11 triệu m³, hồ Đá Bạc 4,36 triệu m³: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Cà Giây có 30,67 triệu m³, hồ Sông Quao có 60,73 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Mùa;
- Hồ Sông Móng có 34,12 triệu m³, đập Ba Bàu có 1,29 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,61

triệu m³, hồ Đu Đủ có 4,12 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,03 triệu m³, hồ Núi Đất có 8,88 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Mùa;

- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Mùa theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lũy – sông La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 27/10/2017 đến ngày 02/11/2017

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 26/10/2017

(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Mùa, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (qua Cục Quản lý Công trình Thủy lợi) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.